TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÂM** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58A/2025/HSST

Ngày 29/4/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kháng và ông Nguyễn Văn Xuân

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Dương Văn Thuyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Phượng- Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2025 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2025/HSST ngày 21/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 đối với các Bị cáo:

1.Phạm Văn V - Sinh năm: 1991; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Phạm Văn H và bà: Trịnh Thị V1 (Đã chết); Anh/chị em ruột: Có 02 người, V là lớn; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/11/2019, bị TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 30/01/2021 chấp hành xong án phạt tù (đã được xoá án tích); Ngày 30/12/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tôi Trộm cắp tài sản. V bị tạm giữ từ ngày 08/9/2024, tạm giam từ ngày 17/9/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

2.Trịnh Văn B-Sinh năm: 1986 (Tên gọi khác: Hổ); Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên**;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh**;** Tôn giáo: Không**;** Trình độ văn hoá: 7/12**;** Nghề nghiệp: Lao động tự do**;** Con ông: Trịnh Gió B1 và bà: Nguyễn Thị D; Anh chị em ruột: có 03 người, B là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không**;** Tiền sự: Ngày 28/08/2024, bị TAND huyện Văn Lâm áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng**;** Nhân

thân: Ngày 11/06/2014, bị TAND huyện Văn Lâm xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 25/04/2015 chấp hành xong án phạt tù (đã được xoá án tích); Ngày 30/12/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tôi Trộm cắp tài sản**.** B bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

3.Mai Văn S - Sinh năm: 1988; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Mai Văn Á (Đã chết) và bà: Phạm Thị C; Anh chị em ruột: có 04 người, S là thứ ba; Vợ: Đặng Thị Phương L (Đã ly hôn); Có 01 con sinh năm: 2013; Tiền án: Ngày 11/8/2020, bị TAND huyện Văn Lâm xử phạt 18 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/10/2021 chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và nộp khoản tiền truy thu sung quỹ Nhà nước (chưa được xoá án tích); Tiền sự: Ngày 21/11/2022, bị Công an xã C, huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng, đến nay chưa nộp tiền; Nhân thân: Ngày 29/9/2005, bị TAND huyện Văn Lâm xử phạt 15 tháng tù cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 09/11/2022, bị Công an xã C, huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý; Sáng bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

4.Phùng Văn P - Sinh ngày 14/11/1985; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam**;** Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phùng Văn P1 và bà: Đặng Thị V2; Anh chị em ruột: có 02 người, P là lớn; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 24/4/2024, bị Công an xã C, huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành hính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý bằng hình thức phạt cảnh cáo. Ngày 09/8/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma tuý tỉnh Hưng Yên, thời hạn 24 tháng; Nhân thân: Ngày 30/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Hải Dương xử phạt 02 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Ngày 08/10/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/5/2020, chấp hành xong án phạt tù (đã được xoá án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/01/2025. Có mặt tại phiên tòa.

5. Đỗ Văn T - Sinh năm: 1975; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường tú: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 02/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đỗ Văn T1 và bà: Đỗ Thị H1; A, chị em ruột có 04 người: Thà là thứ 02; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 14/09/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 năm 06 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Ra trại ngày 30/8/2023 (chưa được xoá án tích); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24 tháng 09 năm 1996, bị Công an

huyện M, tỉnh Hải Hưng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản công dân, bằng hình thức phạt Cảnh cáo. Ngày 21/12/1998, bị Ủy ban nhân dân tỉnh H ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời gian 24 tháng. Ngày 25/04/2003, bị Ủy ban nhân dân tỉnh H ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời gian 24 tháng; Ngày 07/11/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (đã được xoá án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Quốc H2 - Sinh năm: 1988; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn V3 và bà: Nguyễn Thị M; A, chị em ruột có 03 người: H2 là thứ 03; Vợ: Đỗ Thị Hồng T2; Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm: 2015; Tiền án: Ngày 03/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm xử phạt 30 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, ra trại ngày 23/09/2022 (chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/12/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tôi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. H2 bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa

7. Lê Đình C1 - Sinh ngày 18/01/2002; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện tại: thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Đình N và bà: Nguyễn Thị B2; Anh/chị em ruột: Có 03 người, C1 là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có; C1 bị tạm giữ từ ngày 19/9/2024, tạm giam từ ngày 28/9/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa

8.Thái Văn V4 - Sinh năm: 1986; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T: Không; Trình độ văn hoá: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Thái Văn T3 và bà: Lê Thị H3; Anh/chị em ruột: Có 02 người, V4 là lớn; Vợ: Bùi Thị H4; Có 02 con, lớn sinh năm: 2012, nhỏ sinh năm: 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 25/3/2024 bị Công an xã C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; V4 bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa

9.Chu Văn T4 -Sinh năm: 1974; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam**;** Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên**;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T: Không**;** Trình độ văn hoá: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Chu Văn V5 và bà: Lê Thị T5; Anh/chị em ruột: Có 06 người, T4 là thứ ba; Vợ: Lê Thị P2 (Đã ly hôn)**;** Có 02 con, lớn sinh năm: 1997, nhỏ sinh năm: 2000; Tiền án: Ngày 25/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 04 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 13/8/2022; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội

Cưỡng đoạt tài sản; Ngày 04/5/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Tuyến bị tạm giữ từ ngày 09/9/2024, tạm giam từ ngày 18/9/2024 trong vụ án Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại :

Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên ;

Anh Xa Tiến M1, sinh năm 1989; Địa chỉ: xóm K, xã M, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình;

Anh Dương Quang P3, sinh năm 1995; Địa chỉ: T, phường G, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh;

Anh Thào A C2, sinh năm 1999; Địa chỉ: bản S,xã M, huyện S, tỉnh Sơn La;

Anh Giàng A L1, sinh năm 2001; Địa chỉ: bản S, xã Q, huyện P, tỉnh Sơn La;

Anh Hoàng Văn T6, sinh năm 2006 ; Địa chỉ: thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang ;

Anh Hoàng Văn T7, sinh năm 2004 ; Địa chỉ : thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Cao Bằng ;

Anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1979; Địa chỉ : thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên ;

Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1983; Địa chỉ : thôn K, xã N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh;

Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn A, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Ông Trần Văn T8, sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Ông Phạm Huy K1, sinh năm 1962; Địa chỉ : thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương;

Cháu Nguyễn Thanh N1, sinh năm 2009 (Người giám hộ cho cháu N1 là chị Nguyễn Ngọc L2, sinh năm 1989); Đều địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên ;

Chị Nguyễn Nhật L3, sinh năm 2005; Địa chỉ : thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Anh Nguyễn Văn K2, sinh năm, 2004; thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Anh Đỗ Văn T9, sinh năm 1973; Địa chỉ : thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh hưng Yên.

Bị hại chị Nguyễn Thị O có mặt, các bị hại khác đều vắng mặt ;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Anh Đặng Tuấn A, sinh năm 1993; Địa chỉ : thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Anh Đặng Xuân B3, sinh năm 1993 ; Địa chỉ : thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn V ở thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Trịnh Văn B và Phùng Văn P ở thôn T, xã C, huyện V; Mai Văn S ở thôn Đ, xã C, huyện V, Nguyễn Quốc H2 ở thôn H, thị trấn N, huyện V có quan hệ quen biết nhau từ trước và là những đối tượng ham chơi, nghiện ma túy, để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân trong khoảng thời gian từ ngày 16/6/2024 đến ngày 16/9/2024 đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội tại các địa bàn huyện V, tỉnh Hưng Yên, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, huyện Y, tỉnh Hưng Yên và huyện C, tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

* Khoảng 22 giờ ngày 15/06/2024, Phạm Văn V đi bộ đến nhà Trịnh Văn B ở thôn T, xã C, huyện V, sau đó cả hai cùng rủ nhau đi bộ đến nhà Mai Văn S chơi. Khi V, B và S đang ngồi uống nước thì S bảo đi có việc. V và B đang ngồi chơi thì B nói với V "*có đi không anh*", V hiểu ý B rủ đi trộm cắp tài sản nên trả lời "*có*" thì B nói tiếp "*ở làng em có phòng trọ cửa cổng không khóa, xe mô tô để ở ngoài*", V bảo *"Thế mày biết thì chỉ đường"*, B đồng ý. B mang theo 01 chiếc cờ lê, 01 chiếc kéo, 01 chiếc đèn pin, 01 sợi dây đồng để đi trộm cắp tài sản.Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đi bộ đến khu nhà trọ của gia đình ông Nguyễn Văn T10 ở thôn T, xã C, huyện V thấy cổng mở, bên trong hành lang khu trọ dựng nhiều xe mô tô, không ai trông. V đứng ngoài cổng cảnh giới còn B đi vào hành lang khu nhà trọ thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng, biển số 28D1-137.04 của anh Xa Tiến M1 ở xóm K, xã M, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình, xe không khoá cổ, không khoá càng, B liền dắt chiếc xe mô tô của anh M1 ra đường thôn T, xã C rồi cùng V đẩy xe đi khoảng 300m thì dừng lại. B sử dụng cờ lê tháo biển số xe vứt ở ven đường (không nhớ vị trí cụ thể) rồi dùng kéo cắt dây điện ở đầu xe đấu nối lại nhưng không nổ được máy. Thấy vậy V sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S lắp sim số 0906081165 gọi đến số điện thoại 0356045975 của bạn là Nguyễn Quốc H2 bảo "*anh đang ở đâu đấy*" thì H2 trả lời "*anh đang đi đường*", V nói tiếp "*anh vào làng hè mở em cái xe*", H2 đồng ý. Do H2 không biết vị trí nên V đi bộ ra đầu thôn T, xã C đón H2 rồi đưa đến chỗ xe mô tô, H2 hỏi V "*vẫn không nổ được à*", V bảo "*bọn em chưa*". Sau đó H2 lấy trong người ra 01 chiếc kéo rồi mở ốp nhựa phía trước xe mô tô ra đấu nối dây điện thì nổ được máy, V nói cho H2 biết xe mô tô do V và B trộm cắp được và rủ H2 đi bán cùng. H2 biết xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý đi bán cùng. Trên đường đi, V gọi qua tài khoản Z cho Nguyễn Trần T11 ở thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nói "*em vừa làm được 01 xe Ware màu trắng đời 2022 -2023 anh có lấy không*" tức là V bảo T11 có mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, đời

2022 -2023 mà V vừa trộm cắp được không, T11 trả lời "*có mang xuống đây*". H2 cũng gọi điện thoại cho T11 bảo sẽ đi cùng V đến bán cho T11. V điều khiển xe mô tôc vừa trộm cắp được, còn H2 điều khiển xe mô tô của V và B đi đến lúc trước chờ B, khi đi đến cổng chào xóm C, thôn Đ, xã C thì B xuống xe đi bộ về, còn V và H2 mỗi người đi một xe đến nơi ở của T11. Khi V và H2 đi đến gần phòng trọ của T11 thì H2 ở ngoài đợi, còn V một mình điều khiển xe mô tô trộm cắp vào phòng trọ của T11. Tưởng xem xe trả giá 4.000.000 đồng, V đồng ý bán. Biết T11 bán ma túy nên V hỏi mua 01 gam ma tuý đá với giá 1.300.000 đồng của T11 để sử dụng, còn lại 2.700.000 đồng thì T11 nhờ H2 chuyển khoản trả V. H2 sử dụng số tài khoản 0356045975 của H2 mở tại Ngân hàng M4 chuyển khoản cho V số tiền 2.600.000 đồng vào số tài khoản 1308199133333 của V mở tại Ngân hàng M4, H2 giữ lại 100.000 đồng để đổ xăng xe. Sau đó H2 điều khiển xe mô tô chở V về nhà S, còn H2 đi về nhà. Số tiền 2.600.000 đồng bán xe thì V chia cho B 700.000 đồng, cho con trai của S tên là Mai Văn Nguyên V6, sinh năm 2013 số tiền 200.000 đồng, V6 giữ lại 1.700.000 đồng. Số ma tuý V6 mua của T11 thì V6, B, Sáng chia nhau mang đi nơi khác sử dụng riêng hết. Đến ngày 18/6/2024, T11 bán chiếc xe mô tô mua của V6 cho một người nam giới quê ở tỉnh Sơn La với giá 4.500.000 đồng. Hai bên thanh toán tiền mặt và không viết giấy tờ mua bán. Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch người mua xe của Tưởng nên chưa thu giữ được xe mô tô.

***** Khoảng 20 giờ ngày 27/06/2024, V6 tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, không gắn biển số chở S đi đến thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để trộm cắp. Khi cả hai đi đến cổng nhà chị Dương Thị T12 ở khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 99F1-087.45 của anh Dương Quang P3 *(em trai chị T12)* dựng ở sân, chìa khoá vẫn cắm tại ổ khoá. V6 đỗ xe mô tô ngoài đường để cảnh giới, còn S đi bộ vào sân nhà chị T12 dắt chiếc xe mô tô của anh P3 ra ngoài đường rồi điều khiển đi. Trên đường đi về huyện V thì cả hai dừng lại tháo biển số chiếc xe trộm cắp của anh P3 vứt ở ven đường *(không nhớ vị trí nào)* rồi đi đến phòng trọ của T11. Tưởng kiểm tra xe thấy không có biển số, không có Giấy đăng ký nên biết rõ là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 5.000.000 đồng. Sau đó V6 mua 1.000.000 đồng ma tuý, loại Methamphetamine của T11, còn 4.000.000 đồng thì T11 sử dụng số tài khoản 1208789723 mở tại Ngân hàng B5 mang tên Nguyễn Thị L4 *(em gái của T11)* chuyển đến số tài khoản 1308199133333 của V6 mở tại Ngân hàng M4. Sau đó V6 chia cho S số tiền 1.000.000 đồng và ½ ma túy, V6 giữ lại 3.000.000 đồng và ½ ma túy còn lại rồi cả hai mang về nhà sử dụng hết. Thấy xe không có biển số nên T11 vào mạng xã hội Facebook đặt mua biển số 89H6-036.58 với giá 200.000 đồng rồi gắn vào chiếc xe mô tô vừa mua của V6, T11 giữ lại để sử dụng.

***** Khoảng 02 giờ ngày 30/6/2024 V6, B và P rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi B mang theo 01 vam phá khoá, 01 chiếc tô vít, 01 đèn pin, 01 chiếc cờ lê, V6 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu (là xe mô tô của mẹ P) chở B và P đi từ nhà B đến thôn Đ, xã Đ, huyện V. Khi cả ba đi đến khu nhà trọ của gia đình chị Đỗ Thị Vân A1 ở thôn Đ, xã Đ, huyện V thì thấy cổng khu trọ mở, xung quanh không có ai, tại hành lang khu nhà trọ dựng nhiều xe mô tô nên cả ba thống nhất sẽ trộm cắp xe mô tô ở đây. P đứng bên ngoài trông xe, còn V6 và B đi bộ vào hành lang khu nhà trọ, cả hai thấy 01

chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xám đen cam, biển số 26C1-211.14 của anh Thào A C2 ở bản S, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La dựng ngay trước cửa phòng trọ, xe có khoá cổ. Thấy vậy V6 bê bánh trước B dùng hai tay đẩy phía sau để di chuyển chiếc xe đến chỗ P. Ra đến nơi, B bỏ chiếc tô vít, cờ lê, đèn pin ra thì P cầm đèn pin soi để V6 dùng cờ lê tháo biển số xe, xong V6 ném biển số văng xa ra cánh đồng thôn Đ, xã Đ. V6 và B phá khóa cổ, đấu nối điện nhưng không nổ được máy nên V6 gọi Zalo cho T11 bảo "*em vừa làm được con xe Exciter nhưng không mở được khóa cổ, đang để ở cánh đồng, anh có lấy thì cho người mang xe đến chở*". Tưởng nói "*muộn rồi, cứ giấu xe đi, đến tối mai rồi tính*". Sau đó V6, B, P giấu chiếc xe mô tô trộm cắp của anh C2 tại cánh đồng thôn Đ, xã Đ rồi cả ba đi về nhà B ngủ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, B đến nhà Sáng chơi, B kể cho S biết việc V6, B, P đã trộm cắp được 01 chiếc xe mô tô nhưng không nổ máy đang giấu ở cánh đồng thôn Đ. Đến khoảng 23 giờ ngày 30/6/2024, V6 gọi Z cho T11 bảo mang xe ba gác đến cánh đồng thôn Đ chở xe mô tô về, T11 đồng ý. Khoảng 00 giờ 20 ngày 01/7/2024, T11 đi đến ngã tư D, xã C thì V6 điều khiển xe mô tô chở S và B ra đón thì thấy T11 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE, còn 02 người nam giới chưa rõ nhân thân, lai lịch đi trên xe ba gác. Tất cả cùng đi đến vị trí giấu chiếc xe mô tô trộm cắp của anh C2 ở cánh đồng thôn Đ rồi bê xe mô tô đặt lên xe ba gác. Sau đó S đi về nhà, còn V6 chở B đi theo xe ba gác đến nhà T11 bán xe cho T11 với giá 3.000.000 đồng. V6 và B mua 700.000 đồng ma túy đá của T11, còn 2.300.000 đồng thì T11 sử dụng số tài khoản 0976627607 mở tại Ngân hàng M4 mang tên Nguyễn Thị L4 chuyển đến số tài khoản 0977132476 của B mở tại Ngân hàng M4. V6, B, S chia nhau mỗi người 700.000 đồng, còn 200.000 đồng trả tiền taxi. Số ma tuý đá mua của T11 thì V6, B, S chia nhau mang về nhà sử dụng hết.

Sau khi mua chiếc xe mô tô trên, do xe không có biển số nên T11 vào mạng xã hội Facebook hỏi mua biển số 89F1-497.94 với giá 200.000 đồng rồi gắn vào chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter mau được của V6 và B để sử dụng. Khoảng tháng 8 năm 2024, Tưởng cho Đặng Thị B4, sinh năm 1991 ở thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên mượn chiếc xe mô tô làm phương tiện đi làm. Ngày 11/9/2024, Chị B4 tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V.

* Khoảng 01 giờ ngày 09/07/2024, cũng với cách thức trộm cắp như trên B cùng V6 đi bộ đến khu nhà trọ của gia đình ông Lê Xuân Đ ở thôn Đ, xã C, huyện V để trộm cắp tài sản. Đến nơi, B đứng ngoài đường cảnh giới, còn V6 đi vào hành lang khu nhà trọ trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen bạc, biển số: 14X1-233.81 của anh Giàng A L1 ở Bản S, xã Q, huyện P, tỉnh Sơn dựng để ở hành lang khu trọ. Sau đó cả hai mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter vừa trộm cắp được đến nhà Chu Văn T4 ở thôn T, xã Đ, huyện Y để bán. Trên đường đi thì V6 và B tháo biển số: 14X1-233.81 vứt ở đường *(không nhớ vị trí vứt biển số)*. Khi đến nhà T4 thì B nói "*chúng em vừa ăn được con Exciter này, anh lấy được bao nhiêu*" nghĩa là vừa trộm cắp xe mô tô Tuyến mua được bao nhiêu. Tuyến biết rõ xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 5.000.000 đồng, V6 và B đồng ý bán. B hỏi mua 1.700.000 đồng ma túy đá của T4, còn nhận lại 3.300.000 đồng tiền mặt. V6 và B đi xe taxi về nhà B trả tiền taxi hết 200.000 đồng. Số tiền 3.100.000 đồng còn lại thì V6 và B chia nhau mỗi người

1.550.000 đồng tiêu sài cá nhân hết. Số ma tuý đá mua của T4, V6 và B chia nhau mang về nhà tự sử dụng hết. Tuyến giữ lại xe mô tô mua của V6 sử dụng làm phương tiện đi lại.

* Khoảng 02 giờ ngày 18/7/2024, B và V6 tiếp tục trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Dream, do Trung Quốc sản xuất (không có biển số) của anh Hoàng Văn T13 ở thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Cao Bằng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMALLAV, màu đỏ đen, biển số: 23AA-063.86 của anh Hoàng Văn T6 ở thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang tại khu nhà trọ của gia đình anh Nguyễn Ngọc P4 ở thôn T, xã C, huyện V. Sau khi trộm cắp được 02 chiếc xe, B khai gọi điện thoại cho Lê Văn L5 ở thôn H, xã L, huyện V để bán, L5 đồng ý mua và bảo mang xe ra khu dân cư mới thôn H, thị trấn N, huyện V gặp nhau để xem xe nhưng L5 chỉ giao dịch với một người. V6 và B mỗi người điều khiển 01 chiếc xe mô tô đến địa điểm như đã hẹn để gặp L5, khi đang đi trên đường thì cả hai dừng lại tháo biển số của 02 xe mô tô vứt ở xuống cánh đồng rồi đến điểm hẹn để gặp L5. Gần đến nơi, Vũ đứng ở đường ngoài đường lớn cách vị trí bán xe khoảng 100m đợi còn B lần lượt mang 02 chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đến gặp L5 tại khu dân cư mới thôn H, L xem xe không hỏi gì rồi trả 500.000 đồng/01 xe, B đồng ý bán. V6 và B chia nhau mỗi người 500.000 đồng rồi tiêu sài cá nhân hết. Sau đó B và V6 đi xe taxi về nhà.

* Khoảng 19 giờ ngày 23/7/2024 V6 và Sáng tiếp tục đến thôn K, xã L, huyện V để trộm cắp xe máy. Khi cả hai đang đi ở đường thì thấy chiếc xe mô tô điện nhãn hiệu VINA THAI, loại gogonews, màu sơn xanh của anh Nguyễn Văn S1 ở thôn K, xã L dựng trước cửa nhà anh S1. Sáng dừng xe để V6 đi vào dắt chiếc xe mô tô điện ra ngoài đường rồi cả hai đi về hướng thị trấn N, huyện V. Khi cả hai đi đến ga L thì V6 gọi điện cho Chu Văn T4 thông báo vừa trộm cắp được chiếc xe mô tô điện cần bán thì T4 đồng ý mua. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, V6 và S mang chiếc xe mô tô điện đến nhà T4, T4 xem xe trả giá 3.000.000 đồng rồi đưa cho V6 tiền mặt. Số tiền có được từ việc bán chiếc xe V6, Sáng chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, cả hai tiêu sài cá nhân hết.

* Khoảng 02 giờ ngày 25/07/2024, B tiếp tục mang theo dụng cụ rồi cùng V6, S đi trộm cắp tài sản. Sáng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha S2, không biển số là xe của chở V6 và B đi sang địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Khi đi đến nhà chị Nguyễn Thị H5 ở thôn K, xã N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh thấy cửa cuốn để lửng không đóng hết, trong lán có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE, màu đỏ trắng, biển số: 99F1-133.19 chìa khoá xe mô tô để trên nóc tủ lạnh đặt bên cạnh xe mô tô. Thấy vậy S dừng xe lại, còn V6 và B chui qua cửa cuốn vào trong lán lấy chìa khoá xe mô tô trên nóc tủ lạnh rồi cắm vào ổ khóa dắt chiếc xe ra đường. V6 dắt xe mô tô ra ngoài còn B dùng tay nâng cửa cuốn lên thì phát ra tiếng động, chị H5 cùng chồng là anh Phùng Xuân H7 nghe thấy tiếng động chạy ra phát hiện có người trộm cắp tài sản nên tri hô "*Trộm trộm*". Thấy vậy Vũ nổ máy điều khiển xe bỏ chạy, B chạy ra vị trí Sáng đang đỗ xe chờ sẵn ngồi lên xe thì S tăng ga bỏ chạy. Cả ba đi đến nhà T11 để bán xe. Tưởng biết rõ xe mô tô là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 5.000.000 đồng. Cả ba mở cốp kiểm tra thì thấy bên trong cốp xe có: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 99F1-133.19

mang tên Nguyễn Thị H5, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ATM của Ngân hàng V8, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô biển số 99F1-133.19 đều mang tên Phùng Xuân H7 và 01 bộ quần áo mưa cũ. Biết xe có giấy đăng ký nên T11 đã đưa riêng cho B thêm số tiền 500.000 đồng. Số tiền 5.000.000 đồng có được từ việc bán xe mô tô V6 mua 2.000.000 đồng ma túy, loại Methamphetamine của T11, trả tiền taxi hết 300.000 đồng, còn 2.700.000 đồng V6, S, B chia nhau mỗi người 900.000 đồng tiêu sài cá nhân. Ngày 06/9/2024, bạn T11 tên là M2 ở thành phố Hồ Chí Minh không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể đến chơi, T11 cho M2 mượn xe mô tô trên để sử dụng. Ngày 10/9/2024, M2 mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE, màu sơn đỏ trắng, biển số: 99F1-133.19 mượn của Tưởng đến khu vực cổng Công an huyện Y rồi bỏ lại. Công an huyện Y đã lập biên bản. Sau đó chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giải quyết.

* Khoảng 05 giờ ngày 27/7/2024, V6 và S tiếp tục rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Cả hai đi bộ đến nhà anh Nguyễn Văn K ở thôn A, xã M, huyện V thì thấy cửa xếp ở lán xe mở, bên trong có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 89L1-091.60 dựng ở sân, chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá. Thấy vậy Sáng dừng lại, V6 đi bộ vào trong lán xe nhà anh K dắt chiếc xe mô tô của anh K ra đường rồi điều khiển xe bỏ đi. Trên đường đi, V6 gọi điện thoại cho Chu Văn T4 bảo: "*chúng em vừa nhảy được 01 chiếc xe Dream anh có mua không*" thì T4 đồng ý. Sáng và V6 đã tháo biển số: 89L1-091.60 vứt đi ở ven đường *(không nhớ vứt biển số)*. Khi đến nơi, T4 xem xe trả giá 3.000.000 đồng thì V6, S đồng ý bán. Số tiền bán xe V6 và S mua 2.000.000 đồng ma túy đá của T4, còn nhận lại 1.000.000 đồng thì V6 và Sáng chia nhau mỗi người 500.000 đồng để tiêu sài cá nhân, ma túy mua của T4 cả hai chia đôi rồi mang về nhà sử dụng hết.

* Khoảng 01 giờ ngày 28/7/2024, V6 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, không biển số chở Sáng trộm cắp, khi cả hai đi đến lán bán nước ở thôn A, xã M thì nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WAVE, màu trắng đen bạc, biển số: 36H5-078.11 của chị Nguyễn Thị O ở thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên dựng ở đó, xe không khoá cổ, không khoá càng. Thấy vậy V6 dừng xe lại để cảnh giới, còn S vào lán dắt chiếc xe mô tô của chị O ra ngoài đường. Sau đó V6 điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius dùng chân đẩy chiếc xe mô tô của chị O ra ngoài, V6 dùng vam phá khóa mang theo từ trước chọc vào ổ khoá rồi vặn thì nổ được máy. Sau đó cả hai dùng cờ lê tháo biển số gài ở khung xe, trên đường đi thì V6 vứt biển số ở ven đường. Sau đó V6 mang xe đến nhà T11 bán với giá 3.000.000 đồng. V6 hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy đá của T11, còn nhận lại 1.500.000 đồng tiền mặt. V6 đi taxi về nhà Sáng hết 300.000 đồng, còn lại số tiền 1.200.000 đồng thì V6 và S chia nhau mỗi người 600.000 đồng. Số ma tuý đá mua của T11 thì V6 mang về nhà Sáng để chia đôi, cả hai mang về nhà sử dụng. Ngày 30/7/2024, T11 đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc cho một người nam giới không rõ tên, địa chỉ tại ngã tư T, quận H, thành phố Hà Nội được số tiền 5.000.000 đồng. Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch của người mua xe nên chưa thu giữ được chiếc xe trên.

***** Khoảng 03 giờ ngày 29/7/2024 V6 rủ Thái Văn V4 ở thôn Đ, xã C, huyện V đi trộm cắp xe mô tô, V4 đồng ý. V4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 89L1 - 433.43 của ai chở V6, khi cả hai đang đi ở khu vực cánh đồng thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương thì phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 88H3-9710 của ông Phạm Huy K1 ở thôn B, xã N, huyện C ở cạnh đường tàu, chìa khóa vẫn cắm trong ổ khoá, ông K1 đang làm cỏ dưới ruộng, cách vị trí dựng xe 100 mét. V4 dừng xe lại, V6 xuống xe đi bộ qua đường sắt dắt chiếc xe mô tô của ông K1 qua đường sắt rồi điều khiển đi. Nghe tiếng xe nổ, ông K1 nhìn lên bờ thấy bị mất xe hô hoán nhưng do dưới ruộng xa nên không làm gì được. V6 và V4 đã tháo biển số 88H3-9710 của chiếc xe trộm cắp vứt xuống mương nước (không nhớ đoạn nào). V6 biết Đỗ Văn T ở thôn T, xã Đ, huyện V đang có nhu cầu mua xe nên đã gọi điện cho T bảo: "*anh đang cần mua xe mô tô phải không*" Thà trả lời "*đúng, tao đang cần mua xe mô tô để đi làm*". V6 nói "*có con Wave đỏ vừa nhảy được vẫn còn ngon, anh lấy không, W có nguồn gốc ở Hải Dương*" thì T đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, V6 đi xe đến gặp T, T biết rõ xe mô tô do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng. Thà nhờ Đỗ Văn T14 ở thôn T, xã Đ, huyện V chuyển vào số tài khoản 1308199133333 của V6 mở tại Ngân hàng M4. Sau đó V6 gọi điện thoại cho S bảo đến chở V6 về. Số tiền bán xe Vũ nạp vào tài khoản Game cho V4 300.000 đồng, nạp vào tài khoản game của Sáng 300.000 đồng, còn V6 được hưởng 1.400.000 đồng. Do xe không có biển số nên T đã nhặt biển số 89F8-6505 bị bung ra từ chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel của anh Đỗ Văn T9 ở thôn T, xã Đ, huyện V (anh trai của T) gắn vào chiếc xe mô tô Honda Wave màu đỏ mua của V6 và dán Decal màu đen chùm bên ngoài màu sơn đỏ nguyên thuỷ của xe nhằm tránh bị phát hiện. Sau đó T sử dụng chiếc xe mô tô này đi lại hàng ngày. Ngày 09/9/2024 Thà tự nguyện giao nộp lại 01 chiếc xe mô tô cùng biển số 89F8-6505 cho cơ quan điều tra.

***** Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/8/2024 V6 tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, không biển số chở S đi trên đường thuộc địa phận thôn N, xã Đ, huyện V hướng ra khu Công nghiệp Phố Nối A để xem có tài sản sơ hở thì chiếm đoạt. Khi cả hai đang đi thì phát hiện thấy cháu Nguyễn Thị Minh N2, sinh ngày 20/10/2009 (*là người dưới 16 tuổi*) ở thôn N, xã Đ đang điều khiển xe mô tô điện chở cháu Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 10/05/2009 ở cùng thôn đi ngược chiều, trên tay trái cháu N1 đang cầm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu đen. Thấy vậy V6 điều khiển xe mô tô áp sát bên trái xe của cháu N2 rồi dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động cháu N1 đang cầm trên tay trái rồi tăng ga bỏ chạy về hướng thôn Đ, xã C. Sau đó S mang chiếc điện thoại cướp giật được đến cửa hàng Minh Ngọc M3 ở thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên bán cho anh Đặng Xuân B3 là chủ cửa hàng. Anh B3 kiểm tra điện thoại thấy cài đặt mật khẩu không mở được máy nên hỏi về nguồn gốc chiếc điện thoại thì S nói do nhặt được trên đường nên không biết mật khẩu. Anh B3 tin tưởng đã đồng ý mua với giá 1.200.000 đồng. Sau khi bán được điện thoại, S quay về nhà chia cho V6 số tiền 200.000 đồng, còn 1.000.000 đồng Sáng tiêu sài cá nhân hết.

Tiến hành cho S đi chỉ dẫn chỉ dẫn địa điểm thực hiện hành vi phạm tội và địa điểm bán chiếc điện thoại. Sáng đã chỉ dẫn đúng 02 địa điểm trên. Anh B3 tự nguyện giao nộp

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu đen mua của Sáng cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ theo quy định.

***** Khoảng 20 giờ ngày 27/8/2024, V6 và S đến nhà ông Trần Văn T8 ở thôn H, xã L, huyện V để trộm cắp tài sản. Đến nơi, thấy trong sân nhà ông T8 có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen, biển số: 89L1-154.63, chìa khoá treo ở móc của khung xe. Thấy vậy S bảo V6 dừng xe lại, S đi vào dắt chiếc xe của ông T8 ra ngoài đường rồi điều khiển xe bỏ chạy. Ông T8 phát hiện mất xe chạy bộ ra đường đuổi theo nhưng không kịp. Khi S và V6 mỗi người điều khiển 01 xe đi đến cánh đồng thuộc địa phận xã D, huyện G thì dừng lại tháo biển số: 89L1-154.63 vứt xuống sông rồi đổi xe mô tô cho nhau *(không nhớ vị trí vứt biển số*). V6 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave vừa trộm cắp được đến phòng trọ của T11 ở thôn T, thị trấn Y để bán xe, Tưởng kiểm tra xe trả giá 3.000.000 đồng thì V6 đồng ý bán. V6 hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy đá của T11, còn nhận 1.500.000 đồng tiền mặt. Sau đó V6 đi xe taxi đi về nhà Sáng trả tiền taxi hết 200.000 đồng. Số tiền 1.300.000 đồng còn lại V6 giữ lại 600.000 đồng, đưa cho S 700.000 đồng, ma túy mua của T11 thì V6 mang về nhà sử dụng. Ngày 29/8/2024, T11 bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen mua của V6 cho một người nam giới không rõ tên tại ngã tư T, quận H, thành phố Hà Nội với giá 4.500.000 đồng. Cơ quan điều tra chưa làm rõ được người mua xe mô tô của T11 là ai, chưa thu giữ được vật chứng.

***** Khoảng 20 giờ ngày 29/8/2024, S tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không biển số chở Lê Đình C1 ở xóm H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An đi trên đường ĐH15 hướng xã L đi xã V, khi cả hai đi qua cầu thôn M, xã V thì thấy anh Nguyễn Quang K3 ở thôn Đ, xã Đ, huyện V đang đi xe đạp một mình, đi bên cạnh anh K3 là chị Nguyễn Nhật L3, sinh năm 2005 ở thôn Đ, xã Đ đi xe đạp điện, cả hai đi ngược chiều với S và C1, chị L3 có treo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu xanh dương, dung lượng 128GB bên tay lái bên trái, thấy vậy S nói với C1 "*ăn con điện thoại kia*" tức là Cướp giật chiếc điện thoại của chị L3 thì C1 đồng ý. Sáng điều khiển xe áp sát bên trái xe đạp điện của chị L3 để C1 ngồi phía sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động của chị L3, giật xong Sáng tăng ga bỏ chạy về hướng xã L. Trên đường đi C1 tháo thẻ sim trong điện thoại vứt tại rìa đường rồi đưa chiếc điện thoại cho S cầm. Khoảng 11 giờ ngày 30/08/2024, Sáng một mình mang chiếc điện thoại cướp giật được đến cửa hàng T18 ở thôn Đ, xã V, huyện V bán cho chủ của hàng là anh Đặng Tuấn A, anh Tuấn A kiểm tra điện thoại thấy cài đặt mật khẩu nên hỏi S về nguồn gốc chiếc điện thoại thì Sáng nói dối là nhặt được ở đường, anh Tuấn A không nghi ngờ gì nên đồng ý mua với giá 4.500.000 đồng. Sáng cầm toàn bộ tiền rồi cùng C1 chi tiêu chung hết.

Tiến hành cho Sáng chỉ dẫn địa điểm phạm tội và địa điểm bán chiếc điện thoại chiếm đoạt của chị L3 thì S đã chỉ đúng cả hai địa điểm, anh Tuấn A biết chiếc điện thoại mua của Sáng do phạm tội mà có nên tự nguyện giao nộp cho C3 quanđiều tra để phục vụ điều tra vụ án.

***** Khoảng 22 giờ ngày 15/9/2024, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ không biển số (xe mới mua) của anh Dương Khắc N3 ở cùng thôn Đ, xã C

chở C1 đi loanh quanh ở huyện V tìm tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Đến khoảng 04 giờ 50 phút ngày 16/09/2024 S và C1 đi đến cổng nhà bà Nguyễn Thị H6 ở thôn Đ, xã L, huyện V thì thấy cửa cổng nhà bà H6 mở, bà H6 bày bán thịt lợn bên trong cửa nhà. Thấy vậy S dừng xe mô tô lại rồi bảo C1 nổ sẵn máy chờ Sáng nếu bị ai phát hiện thì nhanh chóng tẩu thoát. Sáng đi bộ đến gần phản thịt của bà H6 thì thấy bà H6 đang nằm ở nền nhà sử dụng điện thoại, đầu hướng vào trong, hai chân đi ủng hướng ra ngoài cửa, khuỷu tay trái bà H6 đang đè lên một chiếc túi vải màu xanh đen, thấy vậy Sáng dùng tay phải giật chiếc túi rồi chạy nhanh ra đường ngồi lên xe mô tô mà C1 đang nổ máy chờ sẵn bỏ đi. Bà H6 hô "*Cướp cướp*" và chạy ra đường đuổi theo nhưng không kịp. Trên đường đi S và C1 dừng lại ở đường kiểm tra thì thấy bên trong có: 01 trùm chìa khoá; 01 quyển vở ghi chép tiền bán thịt và số tiền 4.000.000 đồng. Sáng lấy hết tiền trong túi, còn chiếc túi và các đồ vật khác vứt tại rìa đường. Sau đó S điều khiển xe mô tô chở C1 đi về hướng thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, cả hai trả tiền ăn 750.000 đồng. Số tiền 3.250.000 đồng còn lại Sáng chia cho C1 1.050.000 đồng, S giữ 2.200.000 đồng. Cả hai tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi bị mất tài sản các bị hại đã có đơn trình báo đến Cơ quan có thẩm quyền, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của các bị can nhưng không thu giữ đồ vật tài liệu gì. Ngày 07/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Trần T11 tại thôn T, thị trấn Y, huyện Y, kết quả khám xét thu giữ:

"Tại ngăn cấp đông tủ lạnh được đặt bên trái cửa ra vào thu giữ 01 túi nilon màu trắng miệng dạng bấm viền màu đỏ, bên trong có 01 cục màu đen; 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 01 cục màu đen (niêm phong ký hiệu M1).

Tại vị trí chân tường bên trái từ ngoài vào trong phòng có 01 nắp bình giữ nhiệt bằng nhựa màu xanh bên trong có 03 túi nilon màu trắng, miệng dạng bấm màu đỏ, bên trong đều chứa chất dạng tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu M2).

Tại mặt bàn kê ở giữa phòng có 01 hộp nhựa màu vàng hình trụ in chữ *"Toothpick Holde"*, bên trong chứa 01 túi nilon màu trắng miệng dạng bấm viền màu đỏ, bên trong chứa chất dạng tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu M3).

Ngoài ra còn thu giữ của T11 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream *(do Việt Nam sản xuất)* màu nâu, biển số 89H6-036.58, số khung và số máy đã bị mài mòn rồi đục lại dãy số 30Z101003.

Tại bản Kết luận giám định số 592 ngày 10/9/2024 của phòng K4 Công an tỉnh H, kết luận: "*chất dạng tinh thể màu trắng ghi ký hiệu M2 có tổng khối lượng 14,906g (Mười bốn phẩy chín trăm linh sáu gam) là ma tuý, loại Methamphetamine; chất dạng tinh thể màu trắng ghi ký hiệu M3 có khối lượng 2,298g (Hai phẩy hai trăm chín mươi tám gam) là ma tuý, loại Methamphetamine".*

Tại bản Kết luận giám định số 6895 ngày 16/9/2024 của V9 Bộ C5, kết luận: *"Mẫu cục màu đen niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là Thuốc phiện (Nhựa thuốc phiện), tổng khối lượng là 63,053g (Sáu mươi ba phẩy không trăm năm mươi ba gam)".*

Tưởng khai nhận: Số Thuốc phiện thu giữ là do T11 mua của người nam giới khoảng 27 tuổi với giá 2.500.000 đồng tại đường khu công nghiệp huyện Y vào tháng 6/2024; còn số ma tuý, loại Methamphetamine do T11 mua của người nam giới khoảng 35 tuổi với giá 6.500.000 đồng vào chiều ngày 01/9/2024 tại khu vực ngã tư L thuộc xã M, huyện Y. Tưởng cất dấu ma túy trong phòng trọ nhằm mục đích để bán dần cho người nghiện kiếm lời.

Ngày 08/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V khám xét khẩn cấp chỗ ở của T4 tại thôn T, xã Đ, huyện Y đã thu giữ:

T1 tại vị trí bàn để máy tính kê bên phải trong phòng ngủ hướng từ ngoài vào 01 túi nilon màu trắng, viền bấm màu đỏ, bên trong chứa chất kết tinh màu trắng dạng cục (niêm phong ký hiệu M1); 01 chiếc cân tiểu ly màu đen, mặt trước đề chữ "JSP POCKET SCALE".

T1 trong ngăn kéo tủ quần áo hướng bên phải từ ngoài vào 01 túi nilon màu trắng miệng dạng bấm, bên trong có 01 viên nén hình tròn màu hồng, một mặt có chữ WY và 05 túi nilon màu trắng miệng dạng bấm có viền màu xanh, bên trong mỗi gói đều chứa chất kết tinh màu trắng (niêm phong ký hiệu M2).

T1 tại ngăn tủ quần áo trên cùng cánh bên phải (trước khi khám xét thì tủ quần áo này đang khoá) 02 hộp sắt màu xanh, bên trong hộp thứ nhất có 01 túi nilon màu trắng, mệng dạng bấm viền màu đỏ bên trong chứa chất kết tinh màu trắng; bên trong hộp thứ hai có 02 túi nilon miệng dạng bấm viền màu đỏ, bên trong chứa chất kết tinh màu trắng (niêm phong ký hiệu M3).

Ngoài ra còn thu tại hiên nhà T4 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc, không biển số và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu đen, biển số 29R7-3988, xe không lắp gương chiếu hậu, đều đã qua sử dụng."

Kiểm tra người Tuyến thu tại túi quần phía trước bên trái T4 đang mặc 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, bên trong lắp sim số điện thoại 0566.630.475 và 0386.931.965.

Tại Kết luận giám định số 594 ngày 11/9/2024 của phòng K4 Công an tỉnh H, kết luận:

"Chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M1 có tổng khối lượng 24,673 gam (Hai mươi bốn phẩy sáu trăm bẩy mươi ba gam) là ma tuý, loại Methamphetamine; chất dạng viên nén màu hồng, trong niêm phong ghi ký hiệu M2 có tổng khối lượng 0,104 gam (Không phẩy một trăm linh bốn gam) là ma tuý, loại Methamphetamine; chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M2 có khối lượng 1,184g (Một phẩy một trăm tám mươi tư gam) là ma tuý, loại Methamphetamine; chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M3 có khối lượng 106,742g (Một trăm lin sáu phẩy bẩy trăm bốn mươi hai gam) là ma tuý, loại Methamphetamine".

Số ma túy nêu trên T4 không thừa nhận là ma túy của T4. Tuy nhiên Cơ quan điều tra đã xác định được Tuyến tàng trữ tàng trữ trái phép số ma túy này.

Cơ quan CSĐT- Công an huyện V đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với các tài sản mà V6, S, B, V4, H2, P và C1 đã chiếm đoạt.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện V, kết luận:

"01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn trắng, biển số: 28D1-137.04 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2022 (chưa thu giữ được vật chứng), tại thời điểm ngày 16/6/2024 trị giá 13.000.000 đồng."

"01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc, biển số: 14X1-233.81, đăng ký lần đầu ngày 19/01/2017 đã qua sử dụng (đã thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 09/7/2024 trị giá 13.000.000 đồng".

"01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển số: 99F1-087.45 đăng ký lần đầu ngày 13/07/2012 (đã thu giữ được vật chứng), tại thời điểm ngày 27/6/2024 trị giá 13.000.000 đồng".

"01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám đen cam, biển số: 26C1-211.14, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2020, xe đã qua sử dụng (đã thu giữ được vật chứng), tại thời điểm ngày 30/6/2024 trị giá 23.000.000 đồng".

"01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMALLAV, màu sơn đỏ đen, biển số: 23AA-063.86 đăng ký lần đầu ngày 10/12/2020 (chưa thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 18/7/2024 trị giá 3.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Honda Dream, do Trung Quốc sản xuất, không rõ biển số, (chưa thu giữ được vật chứng) nên Hội đồng định giá không đủ trả lời căn cứ để xem xét định giá tài sản".

"01 chiếc xe mô tô điện nhãn hiệu VINA THAI, loại gogonews, màu sơn xanh, không có biển số (chưa thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 23/7/2024 trị giá 9.000.000 đồng".

"*01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE, màu sơn đỏ trắng, biển số: 99F1-133.19 đăng ký lần đầu ngày 15/03/2013, xe đã qua sử dụng (đã thu giữ được vật chứng), tại thời điểm ngày 25/7/2024 trị giá 13.000.000 đồng".*

"*01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số: 89L1- 091.60 đăng ký lần đầu ngày 16/01/2013, xe đã qua sử dụng (Chưa thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 27/7/2024, trị giá 12.000.000 đồng".*

"01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, biển số: 88H3-9710 đăng ký ngày 04/11/2004 xe đã qua sử dụng (Đã thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 29/7/2024 trị giá 3.000.000 đồng".

"01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WAVE, màu sơn trắng đen bạc, biển số: 36H5 - 078.11 đăng ký lần đầu ngày 15/06/2018, xe đã qua sử dụng (Chưa thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 28/7/2024 trị giá 10.000.000 đồng".

"01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu đen, dung lượng 265GB, đã qua sử dụng (đã thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 12/8/2024 trị giá 4.500.000 đồng".

"01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WAVE, màu trắng đen bạc, biển số: 89L1 – 154.63 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2014, xe đã qua sử dụng (Chưa thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 27/8/2024 trị giá 11.000.000 đồng."

" 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu xanh dương, dung lượng 128GB, đã qua sử dụng (đã thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 29/8/2024 trị giá 16.500.000 đồng".

Tiến hành tra cứu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 99F1-087.45 đăng ký lần đầu ngày 13/07/2012 chủ sở hữu là anh Dương Quang P3. Anh P3 trình bày trước khi bị mất thì số khung, số máy của chiếc xe là số nguyên thuỷ. Tuy nhiên V6, S và T11 đều không thừa nhận hành vi mài mòn số khung, số máy của chiếc xe mô tô trên. Còn biển số 89H6-036.58 gắn trên xe là biển giả. Cơ quan điều tra đã tháo biển số 89H6-036.58 để nhập kho vật chứng của Công an huyện V để chờ xử lý theo quy định.

Ngày 09/01/2025, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu phòng K4 Công an tỉnh H giám định số khung, số máy nguyên thuỷ của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu sơn nâu, biển số 89H6-036.58. Tại bản Kết luận giám định số 14/KL-KTHS ngày 13/01/2025 của phòng K4 Công an tỉnh H, kết luận: *"Xe mô tô kiểu dáng Honda Dream màu sơn nâu, gắn biển số 89H6-036.58 có hàng số khung, số máy bị mài phá, đóng đục lại, không xác định được số khung, số máy nguyên thuỷ".*

Ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã trải lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu cho anh P3. Anh P3 đã nhận lại xe, đối với biển số thật là 99F1-087.45 thật bị mất, anh P3 tự nguyện không yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc, không gắn biển số thu giữ tại nhà T4. Xác định là của anh Giàng A L1 đã bị V6, B và P trộm cắp bán cho T4, ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L1. Anh L1 đã nhận lại tài sản, tự nguyện không yêu cầu, đề nghị gì thêm. Việc biển số xe bị mất anh không đề nghị gì.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xám đen cam, gắn biển số 89F1-497.94 là tài sản hợp pháp của anh Thào A C2 mà V6 và B đã trộm cắp, Ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh C2. Anh C2 đã nhận lại tài sản tự nguyện không có yêu cầu, đề nghị gì. Đối với biển số: 26C1-211.14 đã bị mất, không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max màu đen của cháu Nguyễn Thanh N1 và 01 thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 của chị Nguyễn Nhật L3. ngày 26/11/2024 và ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã tra lại cháu N1 và chị L3, cả hai đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 99F1-133.19 nhãn hiệu Honda AIRBLADE, biển số: 99F1-133.19 mà B và V6 đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H5. Ngày 05/01/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H5, chị H5 đã nhận lại tài sản. Còn các tài sản Tưởng vứt đi gồm 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ATM của Ngân hàng V8, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô biển số: 99F1-133.19 đều mang tên Phùng Xuân H7 và 01 bộ quần áo mưa cũ Cơ quan điều tra không thu giữ được, đối với các tài sản bị mất chị không yêu cầu, đề nghị gì

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ được dán Decal màu đen, gắn biển số 89F8-6505 là của ông Phạm Huy K1, ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông K1. Ông K1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 29D1-137.04 mà V6 và B đã trộm cắp của anh Xa Tiến M1, 01 chiếc xe mô tô điện nhãn hiệu VINA THAI, loại gogonews, màu xanh, không có biển số của anh Nguyễn Văn S1, Cơ quan điều tra không thu giữ được. Anh M1 yêu cầu V6 và B phải bồi thường giá trị chiếc xe là 13.000.000 đồng. anh S1 yêu cầu bị cáo V6 và Sáng phải bồi thường giá trị chiếc xe là 9.000.000 đồng. Bị cáo V6, B và S đồng ý bồi thường nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMALLAV, màu sơn đỏ đen, biển số: 23AA-063.86 của anh Hoàng Văn T6 và 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Honda Dream, do Trung Quốc sản xuất là của anh Hoàng Văn T7, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Anh T6 và anh T7 yêu cầu V6, B phải bồi thường giá trị mỗi chiếc xe là 3.000.000 đồng. V6 và B đồng ý bồi thường nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển số: 36H5-078.11 mà V6 và S đã chiếm đoạt của chị O không thu giữ được. Chị O yêu cầu V6, S phải bồi thường giá trị chiếc xe là 10.000.000 đồng. Bị cáo V6 và S đồng ý bồi thường nhưng hiện nay vẫn chưa thực hiện việc bồi thường.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định truy vật chứng đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số: 89L1- 091.60 nhưng đến nay chưa thu giữ được. Anh K yêu cầu V6, S phải bồi thường giá trị chiếc xe là 12.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường.

Ngày 15/9/2024 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm vật chứng đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc, biển số: 89L1-154.63 nhưng đến nay chưa thu giữ được. Ông Trần Văn T8 yêu cầu V6 và Sáng phải bồi thường giá trị chiếc xe là 11.000.000 đồng. Các bị can đồng ý bồi thường nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường.

Đối với biển số 89F8-6505 gắn trên xe mô tô, xác định là của xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel của anh anh Đỗ Văn T9, xe đã cũ hỏng anh T9 không sử dụng mà để ở sân. Thà tự lấy biển số 89F8-6505 gắn vào chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave để đi lại hàng ngày. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã nhập biển số 89F8-6505 vào nhập Kho vật chứng để xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 89L1 - 433.43 mà V6 và V4 sử dụng để đi trộm cắp tài sản, là của chị Bùi Thị H4 (vợ V4) ở thôn Đ, xã C, huyện V. Việc V4 sử dụng chiếc xe mô tô trên đi trộm cắp chị H4 không biết nên cơ quan điều tra không thu giữ xe mô tô.

Đối với chiếc túi xách bằng vải của bà H6 bên trong có 01 chùm chìa khoá, 01 quyển vở, S và C1 đã cướp giật của bà H6, cả hai đã vứt tại rìa đường khi bỏ chạy, không nhớ vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, bà H6 không đề nghị bồi thường gì về tài sản trên mà chỉ yêu cầu S và C1 bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo S đồng ý bồi thường trả bà H6 tổng số tiền 2.950.000 đồng, C1 đồng ý bồi thường số tiền 1.050.000 đồng. Tuy nhiên cả hai bị cáo vẫn chưa bồi thường.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ đen, không gắn biển số mà S, V6 và B sử dụng để thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản và Cướp giật tài sản. Chiếc xe này có biển số 99F1-271.67, là tài sản của anh Lê Thái Q, sinh năm 1988 ở thôn Đ, xã C, huyện V *(là em của bị cáo V4)*. Do xe đã cũ và bị mất đăng ký xe nên anh Q không sử dụng mà để ở nhà, V4 thường xuyên lấy chiếc xe trên đi đến nhà Sáng rồi để lại ở đó. Anh Q hoàn toàn không biết V4 sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Q và không thu giữ chiếc xe mô tô nêu trên.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu sơn đen, gắn biển số 29R7-3988 thu tại chỗ ở của Chu Văn T4. Tuyến trình bày là do anh Chu Huy H8, sinh năm 1978 ở thôn Ố, xã Đ, huyện Y cho để sử dụng, xe không có đăng ký. Tiến hành tra cứu biển số 29R7-3988 là của chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA FORCE, đăng ký mang tên anh Nguyễn Đình T15, địa chỉ tại A Chùa B, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; tra cứu số máy: JF56E-0010855 và số khung: RLHJF5600EY404433 là của xe máy nhãn hiệu Honda PCX màu sơn đen, biển số 88C1-133.01 đăng ký tên anh Nguyễn Quyết C4, địa chỉ tại thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc và không nằm trong dữ liệu vật chứng của vụ án khác. Như vậy biển số 29R7-3988 không phải của chiếc Honda PCX. Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được với anh Chu Huy H8, anh Nguyễn Đình T15 và Nguyễn Quyết C4 nên chưa làm rõ được nguồn gốc chiếc xe máy trên. Do vậy cơ quan điều tra tiếp tục quản lý chiếc xe để điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định.

Đối với 01 chiếc cờ lê, 01 chiếc kéo, 01 chiếc đèn pin nhỏ, 01 sợ dây đồng là những công cụ B mang theo để thực hiện hành vi phạm tôi, B trình bày đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại H2 sử dụng vào việc phạm tội H2 đã làm rơi mất nên không thu giữ được; Chiếc điện thoại của T4 đã chuyển vật chứng trong vụ án tàng trữ ma túy của T4 đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh H giải quyết.

Anh Đặng Xuân B3 khi mua chiếc điện thoại Iphone XS Max của của V6 và S không biết tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh B3 là phù hợp. Anh B3 yêu cầu S và V6 phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng đã bỏ ra mua chiếc điện thoại. Các bị cáo đồng ý bồi thường nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường.

Anh Đặng Tuấn A khi mua chiếc điện thoại Iphone 15 không biết tài sản do S và C1 phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T10 là phù hợp. Anh T16 yêu cầu bị cáo S và C1 phải bồi thường số tiền 4.500.000 đồng đã mua chiếc điện thoại. Bị cáo S và C1 đồng ý nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường.

Đối với anh Dương Khắc N3 đã cho S mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, chưa có biển số. Khi mượn xe Sáng chỉ nói mượn để chở bạn về nhà về nhà. Việc S và C1 sử dụng chiếc xe trên để đi Cướp giật tài sản anh N3 không biết nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh N3. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì S đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho N3, cơ quan điều tra không thu giữ là phù hợp.

Tại Cơ quan điều tra Đỗ Văn T chỉ thừa nhận hành vi mua xe mô tô của V6, không thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma tuý cho V6. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành đối chất giữa V6 và T nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm. Ngoài lời khai của V6 thì không, chứng cứ gì khác chứng minh T bán ma túy cho V6, vật chứng không thu giữ được, do vậy Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý đối với T về hành vi Mua bán trái phép chất ma tuý.

Chu Văn T4 không thừa nhận hành vi Tiêu thụ tài sản là xe mô tô Yamaha Exciter, không gắn biển số, xe mô tô Honda Dream biển số: 89L1- 091.60 của V6 và S và xe máy điện. Tiến hành cho V6 và S đối chất với T4 thì các bên đều giữ nguyên quan điểm. Tuy nhiên căn cứ lời khai của hai bị cáo V6 và S và tài liệu có trong hồ sơ xác định T4 đã thực hiện hành vi tiêu thu tài sản là các xe mô tô Yamaha Exciter, không gắn biển số, xe mô tô Honda Dream biển số: 89L1- 091.60 và xe máy điện.

T4 không thừa nhận hành vi bán trái phép ma túy cho V6 và Sáng. Tiến hành cho V6, S đối chất với T4 nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm. Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng, ngoài lời khai của V6 và S thì không có chứng cứ gì khác nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với T4 về tội Mua bán trái phép chất ma tuý.

Lê Văn L5 không thừa nhận hành vi mua xe của V6. Tiến hành đối chất giữa V6 với L5 cả hai đều giữ quan điểm. Ngoài lời khai của V6 thì không có tài liệu nào khác và không thu giữ được vật chứng do vậy Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý xử lý hình sự đối với L5.

Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn lại mẫu vật sau giám định số 594 của phòng K4 Công an tỉnh H, 01 chiếc cân tiểu ly màu đen, 02 hộp sắt màu xanh và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, lắp sim số 0566.630.475 và 0386.931.965 được niêm phong trong phong bì thư dán kín ký hiệu "ĐT Tuyến" thu giữ của T4 đã thực hiện vào việc phạm tội. Do vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã bàn giao vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H để xử lý theo quy định.

Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định số 592 của phòng K4 Công an tỉnh H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng, bên trong lắp thẻ sim số 0878577877 đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn V. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TORQUE màu xanh, bên trong lắp thẻ sim số 0981810530 thu giữ của

Lê Đình C1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 màu đen bên trong lắp 01 thẻ sim số 0373814840 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong lắp 02 thẻ sim số 0386.040.670 và 0976.627.607 đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Trần T11. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu vàng, bên trong có sim số 0384689182, thu của Đỗ Văn T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 163402 mang tên Trần Văn P5; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 0017219 mang tên Lê Văn V7; 01 biển số 89H6-036.58; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH MODE màu đỏ đen, gắn biển số 89E1-381.19; 01 biển số 89F1-497.94, 01 nắp bình giữ nhiệt bằng nhựa màu xanh thu giữ tại nhà Nguyễn Trần T11. 01 hộp nhựa màu vàng hình trụ in chữ *"Toothpick Holde"* thu giữ tại nhà Nguyễn Trần T11. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, bên trong lắp 02 sim số 0566630475 và 0386931965 của Chu Văn T4; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda PCX màu sơn đen, gắn biển số 29R7-3988, 01 biển số 89F1-497.94, đã qua sử dụng, 01 biển số 89F8-6505, 01 biển số 89H6-036.58, đã qua sử dụng. Cơ quan CSĐT- Công an huyện V đã nhập kho vật chứng để xử lý sau theo quy định.

Đối với số tài khoản số 1208789723 mở tại Ngân hàng B5 mang tên Nguyễn Thị L4 mà T11 nhiều lần sử dụng để chuyển khoản trả tiền mua xe máy do trộm cắp mà có cho Phạm Văn V, Trịnh Văn B. Quá trình điều tra xác định số tài khoản này là của Nguyễn Thị L4, sinh năm 1983 ở thôn T, thị trấn Y, huyện Y là em gái Tưởng. Chị L4 không sử dụng tài khoản này năm 2020 mà cho T11 sử dụng. Việc Tưởng nhiều lần chuyển khoản tiền mua xe máy do phạm tội mà có chị L4 hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị L4.

Đối với chị Đặng Thị B4 là người người được T11 cho mượn xe mô tô Yamaha Exciter biển số 26C1-211.14 nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn V, Mai Văn S, Thái Văn V4, Lê Đình C1, Đỗ Văn T, Nguyễn Quốc H2 chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 22/01/2025, Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Nguyễn Trần T11 tàng trữ 17,204g ma tuý, loại Methamphetamine và 63,053g thuốc phiện (Nhựa thuốc phiện) nhằm mục đích bán trái phép cho người khác và nhiều lần bán trái phép chất ma tuý cho V, S, B đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma tuý quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra Tưởng còn tiêu thụ 06 chiếc xe máy với tổng trị giá 83.000.000 đồng là tài sản do V, B và Sáng trộm cắp mà có. Tuy nhiên trong quá trình điều tra xác định từ ngày 08/8/2024 đến ngày 23/8/2024, bị can Tưởng điều trị tại Bệnh viện T19 nên ngày 09/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định Pháp y tâm thần đối với T11 nhưng chưa nhận được kết luận giám định nên đã ra Quyết định tách hành vi của bị cáo T11 để xử lý sau theo quy định.

Chu Văn T4 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy bị khởi tố theo khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh H. Ngày 23/11/2024 Cơ quan điều tra Công an huyện V đã tách hành vi tàng trữ ma túy của T4 chuyển cơ quan điều tra Công an tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền. Còn lại hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của T4 được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan CSĐT- Công an huyện V.

Các bị cáo Phạm Văn V, Trịnh Văn B, Mai Văn S, Phùng Văn P, Thái Văn V4, Lê Đình C1, Đỗ Văn T, Nguyễn Quốc H2, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan CSĐT - Công an huyện V đã thu thập được, phù hợp với các vật chứng có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Chu Văn T4 không thừa nhận hành vi phạm tội.

Cáo trạng số: 36/CT - VKS ngày 20/02/2025 của VKSND huyện Văn Lâm đề nghị truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội Trộm cắp tài sản và Cướp giật tài sản theo điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trịnh Văn B về tội Trộm cắp tài sản theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Mai Văn S về tội Trộm cắp tài sản, Cướp giật tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Đình C1 về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Phùng Văn P và Thái Văn V4 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Các Bị cáo Nguyễn Quốc H2, Đỗ Văn T và Chu Văn T4 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo Phạm Văn V, Trịnh Văn B, Mai Văn S, Phùng Văn P, Thái Văn V4, Lê Đình C1, Đỗ Văn T, Nguyễn Quốc H2 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Chu Văn T4 không thừa nhận hành vi hành vi phạm tội của bản thân, tuy nhiên căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác là bị cáo V và bị cáo B xác định bị cáo T4 biết rõ tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua và căn cứ vào vật chứng đã thu giữ được tại nơi ở của bị cáo nên đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo T4 đã cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự các bị cáo đều nhất trí bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo nội dung kết luận định giá tài sản, tuy nhiên do các bị cáo đang bị giam giữ, tài sản riêng không có, không có thu nhập nên các bị cáo chưa bồi thường được cho những người bị hại.

Người bị hại chị Nguyễn Thị O có ý kiến: Chị vừa được nghe các bị cáo V và B trình bày tại phiên tòa về hành vi Trộm cắp xe mô tô của chị. Khoảng 01 giờ ngày 28/7/2024 gia đình chị O bị mất trộm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda WAVE, màu trắng đen bạc, biển số: 36H5-078.11, sau khi trộm cắp được xe các bị cáo đã bán để lấy tiền tiêu sài, hiện nay vẫn chưa thu hồi được xe và các bị cáo chưa bồi thường cho chị. Nay chị O yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe mà các bị cáo đã chiếm đoạt với số tiền 10.000.000đ. Về hình phạt chị đề nghị HĐXX xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Lâm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55; Điều 56; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn V.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Văn S.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Văn B.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đình C1;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Thái Văn V4 và Phùng Văn P.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc H2;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chu Văn T4.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn V từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù về tội Cướp giật tài sản và 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của Bản án số 245/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 10 năm 08 tháng đến 11 năm 05 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Mai Văn S từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; từ 05 năm 06 tháng đến 05 năm 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt chung cả ba tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 10 năm 9 tháng đến 11 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Văn B từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của bản án số 245/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 04/10/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đình C1 từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng về tội Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 19/9/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Văn P từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Thái Văn V4 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H2 từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù về tội Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có, tổng hợp 15 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Bản án số 245/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn T4 từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thời hàn tù tính từ ngày thi hành bản án này.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng nghiện, không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

**Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo V và B phải bồi thường trả anh Xa Tiến M1 số tiền 13.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 6.500.000đ.

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả anh Nguyễn Văn S1 số tiền 9.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 4.500.000đ

Buộc bị cáo V và B phải bồi thường trả anh Hoàng Văn T6 số tiền 3.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.500.000đ

Buộc bị cáo V và B phải bồi thường trả anh Hoàng Văn T7 số tiền 3.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.500.000đ

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả chị Nguyễn Thị O số tiền 10.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 5.000.000 đồng.

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả anh Nguyễn Văn K số tiền 12.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 6.000.000 đồng.

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả ông Trần Văn T8 số tiền 11.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 5.500.000 đồng

Buộc bị cáo S và C1 phải bồi thường trả bà Nguyễn Thị H6 số tiền 4.000.000 đồng. Chia theo phần Sáng bồi thường 2.575.000 đồng, C1 bồi thường 1.425.000 đồng *(đây là phần các bị cáo chia nhau).*

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả anh Đặng Xuân B3 số tiền 1.200.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 600.000 đồng.

Buộc bị cáo S và C1 phải bồi thường trả anh Đặng Tuấn A số tiền 4.500.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo bồi thường 2.250.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền bồi thường của những người có tên trên và kể từ ngày Cơ quan thi hành án dân sự có Quyết định thi hành án đối với bị cáo V, S, B và C1, nếu chậm thi hành thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

* *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu số tiền 200.000đ của bị cáo S sung quỹ nhà nước.

Truy thu số tiền 100.000đ của bị cáo H2 sung quỹ nhà nước,

Trả lại anh Đỗ Văn T9 01 biển số 89F8-6505.

Giao Cơ quan điều tra tiếp tục quản lý để điều tra xác minh 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu sơn đen, biển số 88C1-133.01 đăng ký tên anh Nguyễn Quyết C4 để tiếp tục điều tra làm rõ.

Tịch thu cho phát mại lấy tiền sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu vàng, bên trong có sim số 0384689182 của Đỗ Văn T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng, bên trong lắp thẻ sim số 0878577877 của Phạm Văn V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TORQUE màu xanh, bên trong lắp thẻ sim số 0981810530 của Lê Đình C1.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 biển số 89H6-036.58 và 01 biển số 89F1-497.94.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra

và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng kết luận giám định, biên bản định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/6/2024 đến ngày 16/9/2024, tại địa bàn huyện V, tỉnh Hưng Yên, địa bàn thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, địa bàn huyện C, tỉnh Hải Dương và tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Phạm Văn V, Trịnh Văn B, Mai Văn S (là các đối tượng không có nghề nghiệp, nguồn sống chính là chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu sài) cùng với Phùng Văn P, Thái Văn V4, Lê Đình C1 đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại là các anh Xa Tiến M1, Dương Quang P3, Giàng A L1, Nguyễn Văn S1, chị Nguyễn Thị H5, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị O, ông Phạm Huy K1, chị Nguyễn Thị L6, ông Trần Văn T8, bà Nguyễn Thị H6 và cháu Nguyễn Thanh N1, sau đó mang bán cho Đỗ Văn T, Nguyễn Quốc H2, Chu Văn T4 và Nguyễn Trần T11, trong đó:

Phạm Văn V đã thực hiện 11 vụ Trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 123.000.000 đồng; 01 vụ dùng xe máy Cướp giật tài sản trị giá chiếm đoạt là 4.500.000 đồng; Trịnh Văn B thực hiện 05 vụ Trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 65.000.000 đồng; Mai Văn S thực hiện 06 vụ Trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 68.000.000 đồng và thực hiện 03 vụ dùng xe máy Cướp giật tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 25.000.000 đồng, 01 vụ Tiêu thụ thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với giá trị tài sản là 23.000.000 đồng; Lê Đình C1 đã thực hiện 02 vụ dùng xe máy Cướp giật tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 20.500.000 đồng; Phùng Văn P thực hiện 01 vụ Trộm cắp tài sản với trị giá 23.000.000 đồng; Thái Văn V4 thực hiện 01 vụ Trộm cắp tài sản trị giá 3.000.000 đồng; Nguyễn Quốc H2 thực hiện 01 vụ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, trị giá 13.000.000 đồng; Đỗ Văn T thực hiện 01 vụ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, trị giá 3.000.000 đồng; Chu Văn T4 thực hiện 03 vụ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, trị giá 34.000.000 đồng, sau đó thì bị phát hiện.

Trong vụ án này các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội tích cực, bị cáo V, B, S giữ vai trò ngang nhau, bị cáo P, C1, V4 thực hiện vai trò đồng phạm. Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Quốc H2, Chu Văn T4 phạm tội độc lập.

[3]. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài của người khác là khách thể được Luật hình sự bảo vệ; gây mất trật tự trị an trên địa bàn

gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Là công dân, các bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu sài mà không phải mất nhiều mồ hôi công sức nên bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác.

Các bị cáo bị đưa ra xét xử ngày hôm nay là người đủ khả năng nhận thức và điều khiển hanh vi, có năng lực trách nhiệm hình sự theo luật định nhưng xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, động cơ tư lợi cá nhân, mục đích muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu tiêu sài cá nhân nên đã cố ý phạm tội. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành.

Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm truy tố Mai Văn S về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; tội Cướp giật tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; Phạm Văn V về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội Cướp giật tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; Trịnh Văn B về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Lê Đình C1 về tội Cướp giật tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; Phùng Văn P và Thái Văn V4 về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Quốc H2, Đỗ Văn T, Chu Văn T4 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, bị cáo Phạm Văn V đã có Tiền án, cụ thể: Ngày 26/8/2008, bị TAND huyện Văn Lâm xử phạt 30 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, (chưa nộp án phí và tiền phạt truy thu). Ngày 11/8/2020, bị TAND huyện Văn Lâm xử phạt 18 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/10/2021 chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và nộp khoản tiền truy thu sung quỹ Nhà nước (chưa được xoá án tích); Tiền sự: Ngày 21/11/2022, bị Công an xã C, huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng, đến nay chưa nộp tiền; Ngoài ra bị cáo còn có nhân thân xấu: Ngày 29/9/2005, bị TAND huyện Văn Lâm xử phạt 15 tháng tù cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 09/11/2022, bị Công an xã C, huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý; Ngày 30/12/2024 Bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với 20 tháng tù của Bản án số 245/HSST/2024 ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo Điều 56 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn V đã thực hiện 11 vụ Trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 123.000.000 đồng; 01 vụ dùng xe máy Cướp giật tài sản trị giá chiếm

đoạt là 4.500.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trịnh Văn B đã có tiền sự: Ngày 28/08/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng; Nhân thân:Ngày 11/06/2014, bị TAND huyện Văn Lâm xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 25/04/2015 chấp hành xong án phạt tù (đã được xoá án tích); Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với 15 tháng tù của Bản án số 245/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo Điều 56 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trịnh Văn B thực hiện 05 vụ Trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 65.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Mai Văn S đã có tiền án: Ngày 11/8/2020, bị TAND huyện Văn Lâm xử phạt 18 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/10/2021 chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và nộp khoản tiền truy thu sung quỹ Nhà nước (chưa được xoá án tích); Tiền sự: Ngày 21/11/2022, bị Công an xã C, huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng, đến nay chưa nộp tiền và có nhân thân xấu: Ngày 29/9/2005, bị TAND huyện Văn Lâm xử phạt 15 tháng tù cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 09/11/2022, bị Công an xã C, huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà cố tình thực hiện hành vi phạm tội. bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phùng Văn P có tiền sự: Ngày 24/4/2024, bị Công an xã C, huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành hính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý bằng hình thức phạt cảnh cáo; Ngày 09/8/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma tuý tỉnh Hưng Yên, thời hạn 24 tháng; Nhân thân: Ngày 30/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Hải Dương xử phạt 02 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Nhân thân: Ngày 08/10/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/5/2020, chấp hành xong án phạt tù (đã được xoá án tích).

Bị cáo Đỗ Văn T đã có tiền án: Ngày 14/09/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 năm 06 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Ra trại ngày 30/8/2023 (chưa được xoá án tích); Bị cáo Nguyễn Quốc H2 có Tiền án: Ngày 03/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm xử phạt 30 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, ra trại ngày 23/09/2022 (chưa được xóa án tích) nên 02 bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"Tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Thái Văn V4 có tiền sự: Ngày 25/3/2024 bị Công an xã C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo Nguyễn Quốc H2 đã có tiền án: Ngày 03/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm xử phạt 30 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, ra trại ngày 23/09/2022 (chưa được xóa án tích) nên 02 bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"Tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với 15 tháng tù của Bản án số 245/HSST/2024 ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo Điều 56 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Chu Văn T4 đã có tiền án: Ngày 25/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 04 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 13/8/2022; Nhân thân: Năm 2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cưỡng đoạt tài sản; Ngày 04/5/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"Tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ các bị cáo coi thường pháp luật. Do đó, việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là cần thiết.

[5].Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng đối với tất cả các bị cáo trừ bị cáo Chu Văn T4. Bị cáo T4 không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Bị cáo Thái Văn V4, Lê Đình C1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6].Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, sống có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng dăn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[7].Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8].Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 99F1-087.45 đăng ký lần đầu ngày 13/07/2012 chủ sở hữu là anh Dương Quang P3. Anh P3 trình bày trước khi bị mất thì số khung, số máy của chiếc xe là số nguyên thuỷ. Tuy nhiên V, S và T11 đều không thừa nhận hành vi mài mòn số khung, số máy của chiếc xe mô tô trên. Còn biển số 89H6-036.58 gắn trên xe là biển giả. Cơ quan điều tra đã tháo biển số 89H6-036.58 để nhập kho vật chứng của Công an huyện V để chờ xử lý theo quy định. Ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã trải lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu cho anh P3. Anh P3 đã nhận lại xe, đối với biển số thật là 99F1-087.45 thật bị mất, anh P3 tự nguyện không yêu cầu, đề nghị gì. Do đó tại phiên tòa không đặt ra xem xét.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc, không gắn biển số thu giữ tại nhà T4. Xác định là của anh Giàng A L1, ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L1. Anh L1 đã nhận lại tài sản, tự nguyện không yêu cầu, đề nghị gì thêm. Việc biển số xe bị mất anh không đề nghị gì nên trách nhiệm dân sự đã giải quyết vụ án này xong.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xám đen cam, gắn biển số 89F1-497.94 là tài sản hợp pháp của anh Thào A C2. Ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh C2. Anh C2 đã nhận lại tài sản tự nguyện không có yêu cầu, đề nghị gì. Đối với biển số: 26C1-211.14 đã bị mất, không thu giữ được anh C2 cũng không yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự trong vụ này.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max màu đen của cháu Nguyễn Thanh N1 và 01 thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 của chị Nguyễn Nhật L3. Ngày 26/11/2024 và ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã tra lại cháu N1 và chị L3, cả hai đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét tại phiên tòa.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 99F1-133.19 nhãn hiệu Honda AIRBLADE, biển số: 99F1-133.19 của chị Nguyễn Thị H5. Ngày 05/01/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H5, chị H5 đã nhận lại tài sản. Còn các tài sản Tưởng vứt đi gồm 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ATM của Ngân hàng V8, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô biển số: 99F1-133.19 đều mang tên Phùng Xuân H7 và 01 bộ quần áo mưa cũ Cơ quan điều tra không thu giữ được, đối với các tài sản bị mất chị H5 không yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ được dán Decal màu đen, gắn biển số 89F8-6505 là của ông Phạm Huy K1, ngày 14/01/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông K1. Ông K1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 29D1-137.04 mà V và B đã trộm cắp của anh Xa Tiến M1, 01 chiếc xe mô tô điện nhãn hiệu VINA THAI, loại Gogonews, màu xanh, không có biển số của anh Nguyễn Văn S1, Cơ quan điều tra không thu giữ được. Anh M1 yêu cầu V và B phải bồi thường giá trị chiếc xe là 13.000.000 đồng, anh S1 yêu cầu bị cáo V và Sáng phải bồi thường giá trị chiếc xe là 9.000.000 đồng. Các bị cáo V, B và S

đồng ý bồi thường nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường. Do đó chia theo phần mỗi bị cáo phải liên đới bồi thường trả anh M1 6.500.000 đồng và trả anh S1 4.500.000đ.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMALLAV, màu sơn đỏ đen, biển số: 23AA-063.86 của anh Hoàng Văn T6 và 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Honda Dream, do Trung Quốc sản xuất là của anh Hoàng Văn T7, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Anh T6 và anh T7 yêu cầu V, B phải bồi thường giá trị mỗi chiếc xe là 3.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng trả anh T17 và anh T6.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển số: 36H5-078.11 mà V và S đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị O không thu giữ được. Chị O yêu cầu V, S phải bồi thường giá trị chiếc xe là 10.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường trả chị O số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 89L1- 091.60 không thu giữ được là của anh Nguyễn Văn K. Anh K yêu cầu V, S phải bồi thường giá trị chiếc xe là 12.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường trả anh K số tiền 6.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc, biển số: 89L1-154.63 của ông Trần Văn T8 chưa thu giữ được. Ông T8 yêu cầu V và Sáng phải bồi thường giá trị chiếc xe là 11.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 5.500.000 đồng.

Đối với chiếc túi xách bằng vải của bà Nguyễn Thị H6 bên trong có 01 chùm chìa khoá, 01 quyển vở, S và C1 đã cướp giật của bà H6, cả hai đã vứt tại rìa đường khi bỏ chạy, không nhớ vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, bà H6 không yêu cầu đề nghị gì mà chỉ yêu cầu S và C1 bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo S và C1 sử dụng tiêu sài chung hết 750.000đ còn lại chia nhau, Sáng được 2.200.000đ, C1 được 1.050.000đ nên sẽ buộc bị cáo S đồng ý bồi thường trả bà H6 tổng số tiền 2.575.000 đồng, C1 đồng ý bồi thường số tiền 1.425.000 đồng nên sẽ buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền trên trả bà H6.

Anh Đặng Xuân B3 khi mua chiếc điện thoại Iphone XS Max của V và Sáng không biết tài sản do phạm tội mà có. Anh B3 yêu cầu S và V phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng đã bỏ ra mua chiếc điện thoại. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường trả anh B3 600.000 đồng.

Anh Đặng Tuấn A khi mua chiếc điện thoại Iphone 15 không biết tài sản do S và C1 phạm tội mà có, anh Tuấn A yêu cầu bị cáo S và C1 phải bồi thường số tiền 4.500.000 đồng đã mua chiếc điện thoại. Bị cáo S và C1 đồng ý bồi thường nên sẽ buộc cả hai bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho anh Tuấn A, mỗi bị cáo 2.250.000 đồng.

[9].*Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với biển số 89F8-6505 gắn trên xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ mà T sử dụng, xác định là biển số của xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel của anh anh Đỗ Văn T9, xe đã cũ hỏng anh T9 không sử dụng mà để ở sân. Thà tự lấy biển số 89F8-6505 gắn vào chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave để đi lại hàng ngày. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã nhập biển số 89F8-6505 vào nhập Kho vật chứng nên đề nghị trả lại anh T9 biển số 89F8-6505 để sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 89L1 - 433.43 mà V và V4 sử dụng để đi trộm cắp là tài sản của chị Bùi Thị H4 (vợ Thái Văn V4) ở thôn Đ, xã C, huyện V. Việc V4 sử dụng chiếc xe mô tô trên đi trộm cắp chị H4 không biết nên cơ quan điều tra không thu giữ. Do đó tại phiên tòa không đặt ra xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ đen, không gắn biển số mà S, V và B sử dụng để thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản và Cướp giật tài sản. Chiếc xe này có biển số 99F1-271.67, là tài sản của anh Lê Thái Q ở thôn Đ, xã C, huyện V (em của bị cáo V4). Do xe đã cũ và bị mất đăng ký xe nên anh Q không sử dụng mà để ở nhà, V4 thường xuyên lấy chiếc xe trên đi đến nhà Sáng rồi để lại ở đó. Anh Q hoàn toàn không biết V4 sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe mô tô nêu trên nên tại phiên tòa không đặt ra xem xét.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu sơn đen, gắn biển số 29R7-3988 thu tại chỗ ở của Chu Văn T4. Tuyến trình bày là do anh Chu Huy H8 ở thôn Ố, xã Đ, huyện Y cho để sử dụng, xe không có đăng ký. Tiến hành tra cứu biển số 29R7-3988 là của chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA FORCE, đăng ký mang tên anh Nguyễn Đình T15, địa chỉ tại A Chùa B, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; tra cứu số máy: JF56E-0010855 và số khung: RLHJF5600EY404433 là của xe máy nhãn hiệu Honda PCX màu sơn đen, biển số 88C1-133.01 đăng ký tên anh Nguyễn Quyết C4, địa chỉ tại thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc và không nằm trong dữ liệu vật chứng của vụ án khác. Như vậy biển số 29R7-3988 không phải của chiếc Honda PCX. Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được với anh Chu Huy H8, anh Nguyễn Đình T15 và Nguyễn Quyết C4 nên chưa làm rõ được nguồn gốc chiếc xe máy trên. Do vậy tiếp tục giao cơ quan điều tra quản lý để điều tra xác minh.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, chưa có biển số Sáng mượn của anh Dương Khắc N3. Việc S và C1 sử dụng chiếc xe trên để đi Cướp giật tài sản anh N3 không biết. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì S đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho N3, cơ quan điều tra không thu giữ nên không đặt ra xem xét.

Đối với biển số 89H6-036.58 Cơ quan điều tra đã thu giữ (gắn trên xe của anh Dương Quang P3) và 01 chiếc biển số 89F1-497.94 xác định là biển giả nên tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc cờ lê, 01 chiếc kéo, 01 chiếc đèn pin nhỏ, 01 sợ dây đồng là những công cụ B mang theo để thực hiện hành vi phạm tội, B trình bày đã làm rơi mất, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng, bên trong lắp thẻ sim số 0878577877 đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TORQUE màu xanh, bên trong lắp thẻ sim số 0981810530 thu giữ của Lê Đình C1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu vàng, bên trong có sim số 0384689182, thu của Đỗ Văn T xác định các bị cáo đã gọi điện liên lạc với nhau về việc mua bán xe mô tô trộm cắp nên tịch thu phát mại lấy tiền sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn lại mẫu vật sau giám định số 594 của phòng K4 Công an tỉnh H, 01 chiếc cân tiểu ly màu đen, 02 hộp sắt màu xanh và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, lắp sim số 0566.630.475 và 0386.931.965 được niêm phong trong phong bì thư dán kín ký hiệu "ĐT Tuyến" thu giữ của T4, xác định là vật chứng đã thực hiện vào việc phạm tội. Ngoài thực hiện hành vi Tiêu thụ tài sản thì T4 còn thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã bàn giao vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H để xử lý theo quy định nên không xem xét trong vụ án này.

Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định số 592 của phòng K4 Công an tỉnh H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 màu đen bên trong lắp 01 thẻ sim số 0373814840 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong lắp 02 thẻ sim số 0386.040.670 và 0976.627.607 đã qua sử dụng. 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 163402 mang tên Trần Văn P5; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 0017219 mang tên Lê Văn V7; 01 biển số 89H6-036.58; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH MODE màu đỏ đen, gắn biển số 89E1-381.19; 01 biển số 89F1-497.94, 01 nắp bình giữ nhiệt bằng nhựa màu xanh. 01 hộp nhựa màu vàng hình trụ in chữ *"Toothpick Holde"* thu giữ tại nhà Nguyễn Trần T11. Cơ quan CSĐT- Công an huyện V đã nhập kho vật chứng để xử lý sau theo quy định. Đối với các vật chứng trên. Quá trình điều tra xác định từ ngày 08/8/2024 đến ngày 23/8/2024, Tưởng điều trị tại Bệnh viện T19 nên ngày 09/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định Pháp y tâm thần đối với T11 nhưng chưa nhận được kết luận giám định nên đã ra Quyết định tách hành vi của bị cáo T11 để xử lý sau theo quy định do đó các vật chứng thu giữ của Tưởng sẽ giải quyết cùng vụ án khi tiến hành xét xử Nguyễn Trần T11.

[10].Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Bị cáo Phạm Văn V phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* và *"Cướp giật tài sản"* . Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55; Điều 56; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn V 05 (năm) năm tù về tội Trộm cắp tài sản, 04 (bốn) năm tù về tội Cướp giật tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Tổng hợp với 20 (hai mươi) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của Bản án số 245/2024/HSST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2024.

Bị cáo Mai Văn S phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, "*Cướp giật tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Văn S 04 (bốn) năm tù về tội Trộm cắp tài sản, 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp giật tài sản và 01 (một) năm 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội buộc bị cáo phải chấp hành là 11 (mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2024.

Bị cáo Trịnh Văn B *(Tên gọi khác H9)* phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn B *(Tên gọi khác Hổ)* 04 (bốn) năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 15 (mười năm) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của Bản án số 245/2024/HSST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2024.

Bị cáo Lê Đình C1 phạm tội *"Cướp giật tài sản"*. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đình C1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2024.

Bị cáo Phùng Văn P phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phùng Văn P 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/01/2025.

Bị cáo Thái Văn V4 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Thái Văn V4 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2024.

Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2024.

Bị cáo Nguyễn Quốc H2 phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H2 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp với 15 (mười năm) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Bản án số 245/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2024.

Bị cáo Chu Văn T4 phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chu Văn T4 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành bản án này.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo V và B phải bồi thường trả anh Xa Tiến M1 số tiền 13.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 6.500.000đ.

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả anh Nguyễn Văn S1 số tiền 9.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 4.500.000đ

Buộc bị cáo V và B phải bồi thường trả anh Hoàng Văn T6 số tiền 3.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.500.000đ

Buộc bị cáo V và B phải bồi thường trả anh Hoàng Văn T7 số tiền 3.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.500.000đ

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả chị Nguyễn Thị O số tiền 10.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 5.000.000 đồng.

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả anh Nguyễn Văn K số tiền 12.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 6.000.000 đồng.

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả ông Trần Văn T8 số tiền 11.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 5.500.000 đồng

Buộc bị cáo S và C1 phải bồi thường trả bà Nguyễn Thị H6 số tiền 4.000.000 đồng. Chia theo phần Sáng bồi thường 2.575.000 đồng, C1 bồi thường 1.425.000 đồng.

Buộc bị cáo V và S phải bồi thường trả anh Đặng Xuân B3 số tiền 1.200.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 600.000 đồng.

Buộc bị cáo S và C1 phải bồi thường trả anh Đặng Tuấn A số tiền 4.500.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo bồi thường 2.250.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền bồi thường của những người có tên trên và kể từ ngày Cơ quan thi hành án dân sự có Quyết định thi hành án đối với các bị cáo V, S, B và C1, nếu chậm thi hành thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu số tiền 200.000đ của bị cáo S sung quỹ nhà nước.

Truy thu số tiền 100.000đ của bị cáo H2 sung quỹ nhà nước,

Trả lại anh Đỗ Văn T9 01 biển số 89F8-6505.

Giao Cơ quan điều tra tiếp tục quản lý để điều tra xác minh 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu sơn đen, biển số 88C1-133.01 đăng ký tên anh Nguyễn Quyết C4 để tiếp tục điều tra làm rõ.

Tịch thu cho phát mại lấy tiền sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu vàng, bên trong có sim số 0384689182 của Đỗ Văn T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng, bên trong lắp thẻ sim số 0878577877 của Phạm Văn V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TORQUE màu xanh, bên trong lắp thẻ sim số 0981810530 của Lê Đình C1.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 biển số 89H6-036.58 và 01 biển số 89F1-497.94.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo V phải nộp 1.550.000đ án phí dân sư sơ thẩm.

Bị cáo S phải nộp 1.321.200đ án phí dân sư sơ thẩm.

Bị cáo B phải nộp 475.000đ án phí dân sư sơ thẩm.

Bị cáo C1 phải nộp 300.000đ án phí dân sư sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại chị O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Văn Lâm;
- T.H.A dân sự huyện Văn Lâm ;
- Những người tham gia tố tụng ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Trung